TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2022/DS-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Thái

2. Bà Trần Thị Ngọc Lước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 868/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-DS ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Đường M, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Bùi Anh C

Địa chỉ: Lầu X, Tòa nhà A, Đường S, Phường D, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh

Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền số 1012/UQ-QLN.20 ngày 18/9/2020 của A). "có mặt"

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường G, Phường H, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và các lời khai tiếp sau đó, bà Bùi Anh C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị Kim P căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị Kim P ký ngày 10/5/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của bà Trần Thị Kim P ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng : 3567 9500 0016 0585; Ngày cấp: 21/5/2019; Loại thẻ: JCB Vàng (Thẻ tín dụng quốc tế); Hạn mức thẻ: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 5/2022; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Trần Thị Kim P đã thanh toán 71.056.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Từ ngày 05/11/2019 đến nay, bà P đã không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 21/02/2020, A đã chuyển khoản nợ thẻ của bà Trần Thị Kim P sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 20/7/2020, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Trần Thị Kim P. Tính đến ngày 27/5/2022, bà Trần Thị Kim P còn nợ A tổng cộng: 38.731.081 (Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt) đồng, bao gồm các khoản sau: Vốn gốc 22.004.451 (hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng.

Do đó, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim P trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 27/5/2022 là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng. Kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ cho A, bà Trần Thị Kim P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A).

Do bà Trần Thị Kim P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim P phải có trách nhiệm trả ngay toàn bộ số tiền nợ còn thiếu nêu trên cho Ngân hàng TMCP S.

Bị đơn bà Trần Thị Kim P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của bà P trong hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim P phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho A số tiền là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng. Kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ cho A, bà Trần Thị Kim P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Kim P có xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng tính đến ngày 27/5/2022, bị đơn còn thiếu lại Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Kim P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của bà P trong hồ sơ vụ án. Cụ thể Tòa án đã tống đạt các văn bản sau: thông báo thụ lý số 868/TB-TLVA ngày 09/11/2020, các giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các giấy triệu tập tham dự phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Kim P mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét đề nghị của Ngân hàng TMCP A về việc không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không liên quan đến việc vay mượn giữa bà P và Ngân hàng. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Trần Thị Kim P là người trực tiếp ký hợp đồng vay phải có trách nhiệm trả nợ là tự nguyện và không trái pháp luật. Quá trình giải quyết bà P không có ý kiến về vấn đề này nên chấp nhận đề nghị của Ngân hàng TMCP A.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Kim P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 27/5/2022 là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng. Đồng thời, yêu cầu bà Trần Thị Kim P còn có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 10/5/2019; số thẻ: 3567 9500 0016 0585 có chữ ký của đại diện Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Kim P và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A).

Bị đơn – bà Trần Thị Kim P vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, do đó, trong hồ sơ vụ án không không có lời khai, yêu cầu của bà P đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Căn cứ lời khai nhận của đương sự, Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/5/2019 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Trần Thị Kim P và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định : Ngân hàng TMCP A đã phát hành thẻ tín dụng JCB Vàng

(Thẻ tín dụng quốc tế); Số thẻ tín dụng: 3567 9500 0016 0585, hạn mức sử dụng là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, hình thức đảm bảo là tín chấp cho bà Trần Thị Kim P. Việc cấp thẻ được thực hiện theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Quá trình sử dụng thẻ đến nay, bà P còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/5/2022 là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng. Mặc dù, Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà P vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình. Khi thay đổi địa chỉ cư trú không báo chính quyền địa phương cũng như không thông báo với Ngân hàng.

Do đó, căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc bà Trần Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 27/5/2022 là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 22.004.451 (Hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; Lãi quá hạn 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng cho A. Ngoài ra, kể từ ngày 28/5/2022 trở đi, bà Trần Thị Kim P còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

[4] Về án phí DSST: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Kim P phải nộp án phí DSST trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền án phí là 1.936.554 đồng (Một triệu chin trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc Bà Trần Thị Kim P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 27/5/2022 là 38.731.081 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn không trăm tám mươi mốt đồng). Trong đó nợ gốc là 22.004.451 (hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng; và nợ lãi quá hạn từ ngày 20 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 5 năm 2022 là 16.726.630 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác bà P ký với A về sử dụng thẻ tín dụng.

Kể từ ngày 28/5/2022 trở đi, bà Trần Thị Kim P còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP A.

2. Về án phí: Án phí DSST số tiền là 1.936.554 đồng (Một triệu chin trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Bà Trần Thị Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.936.554 đồng (Một triệu chin trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP AA toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 645.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0019431 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thảo